

Bản án số: 13 /2021/HC-ST
Ngày: 23 - 07 - 2021
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bằng Công Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Hoàng.

2. Bà Đặng Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 07 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 28/2020/TLST- HC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc: “Khởi kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

- Địa chỉ: Số X, Tổ Y, phường H, TPTN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

2 - Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

- Địa chỉ: Số Z, đường D, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn TU, chức vụ Phó Chủ tịch UBND TPTN, tỉnh Thái Nguyên (Văn bản ủy quyền ngày 25/05/2021 của Chủ tịch UBND TPTN, tỉnh Thái Nguyên). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, của người khởi kiện trình bày:

Năm 1994 tôi có mua một mảnh đất của ông Công Minh L, là giáo viên trường trung học cơ sở thị trấn H (nay là phường H -Thái Nguyên). Mảnh đất

này do bố mẹ ông L khai phá và ông L là con đẻ được hưởng thừa kế, do ông L di chuyển đến nơi ở mới nên bán cho tôi.

Năm 2005, tôi được UBND huyện H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 796245 tại tờ bản đồ số 18, thửa 431 với diện tích 1019,2 m², tên người sử dụng là Nguyễn Văn T.

Từ năm 1994 đến nay gia đình tôi sống ổn định, không tranh chấp. Gia đình tôi luôn thực hiện đúng, đủ các quy định, nghĩa vụ của chính quyền sở tại. Thuế nộp 300 m² ODT và 719,2 m² LNK (*hiện hóa đơn nộp thuế gia đình tôi còn giữ*).

Năm 2016 tôi mang bì đi giao dịch mới phát hiện bì bị tẩy xóa, khi sao lục hồ sơ thì thấy hồ sơ thẩm duyệt đã sửa chữa đất ODT từ 300 m² xuống còn 120 m²; đất LNK từ 719,2 m² tăng lên 899,2 m² và bì bị tẩy xóa in lại.

Tháng 2/2019 tôi có làm đơn đến UBND TPTN; UBND phường H TPTN; phòng Tài nguyên và Môi trường TPTN để được giải quyết.

Đến ngày 13/3/2019 tôi được phòng Tài nguyên và Môi trường TPTN trả lời bằng công văn số 267/CV-TNMT. Thực hiện công văn trên tôi có ra phường H, TPTN làm thủ tục theo hướng dẫn và yêu cầu của cán bộ một cửa thành phố.

Ngày 20/12/2019, tại buổi tiếp công dân định kỳ, Phó Chủ tịch UBND TPTN quyết định cho phép tôi được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó có 250 m² đất ODT và 769 m² đất LNK, theo thông báo số 590/TB-UBND TPTN ngày 23/12/2019.

Đến tháng 02/2020 tôi mới nhận được cấp đổi GCNQSD đất. Trong đó có 250 m² đất ODT và 769,2 m² đất LNK.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy CNQSD đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 do UBND TPTN cấp mang tên ông Nguyễn Văn T. Yêu cầu UBND TPTN cấp mới GCNQSD đất với diện tích 1019,2 m², trong đó đất ở đô thị là 300 m² đất trồng cây lâu năm 719, 2 m².

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân TPTN tại văn bản số 2097/UBND-TNMT ngày 23/6/2021 có ý kiến như sau:

1. Về nguyên gốc và giấy tờ sử dụng đất.

Ngày 30/12/2009, ông Nguyễn Văn T được UBND huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 796245 với tổng diện tích 1019,2 m², trong đó có 120 m² loại đất ODT và 899,2 m² đất LNK, tại thửa số 431, tờ bản đồ số 18, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Thái Nguyên nay là phường H, TPTN (nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Công Minh L năm 1994).

2. Về quá trình cấp lại giấy chứng nhận QSD đất.

Ngày 07/02/2020, ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình theo giấy bán nhà hoa màu và

chuyển quyền sử dụng đất từ năm 1994 và biên bản tiếp công dân ngày 20/12/2019 của UBND TPTN với tổng diện tích 1019,2 m² trong đó có 250 m² loại đất ODT và 769,2 m² loại đất CLN tại thửa số 431, tờ bản đồ số 18, phường H, TPTN.

Sau khi tiếp nhận đơn của ông Nguyễn Văn T đề nghị, UBND phường H đã tiến hành xác minh và thiết lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ giấy bán nhà và hoa màu năm 1994, UBND phường H đã xác định đủ điều kiện cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 1019,2 m² trong đó có 250 m² đất ODT và 769,2 m² loại đất CLN tại thửa số 431, tờ bản đồ số 18, phường H, TPTN. Ngày 01/02/2020 UBND phường H có Công văn số 42/CV-UBND, đề nghị UBND TPTN thu hồi và cấp lại GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T theo quy định.

Ngày 18/02/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố có Văn bản số 142/CV-CNVPĐKĐĐ về việc thu hồi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn T tại Tổ Y, phường H, TPTN.

Xét Tờ trình số 159/TTr-TNMT ngày 20/02/2020, của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Tờ trình số 164/TTr-TNMT ngày 21/02/2020, của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn T.

Ngày 25/02/2020, UBND TPTN có Quyết định số 1442/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 796245, do UBND huyện H1 cấp ngày 30/12/2009 mang tên ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 100, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 25/02/2020, ông Nguyễn Văn T được UBND TPTN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 406936, tổng diện tích 1019,2 m² trong đó có 250 m² đất ODT và 769,2 m² loại đất CLN tại thửa số 431, tờ bản đồ số 18, phường H, TPTN.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 mang tên ông Nguyễn Văn T được thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 2,

Điều 193 - Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện UBND TPTN đề nghị xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 do UBND TPTN cấp mang tên ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thường trú: phường H, TPTN, Thái Nguyên là trong thời hiệu khởi kiện, thuộc đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2.]. Xem xét tính hợp pháp của Giấy CNQSD đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 do UBND TPTN cấp mang tên ông Nguyễn Văn T.

[2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

Năm 2005, UBND huyện H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 796245 tại tờ bản đồ số 18, thửa 431 với diện tích 1019,2 m², tên người sử dụng là Nguyễn Văn T.

Do ông Nguyễn Văn T xác định việc UBND huyện H1 cấp giấy chứng nhận số AD 796245 ngày 30/12/2009 là không đúng đối với diện tích đất ở, nên ông T đã làm đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đã cấp và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ngày 01/02/2020 UBND phường H có Công văn số 42/CV-UBND, đề nghị UBND TPTN thu hồi và cấp lại GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T theo quy định.

Ngày 18/02/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố có Văn bản số 142/CV-CNVPĐKĐĐ về việc thu hồi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn T tại Tổ Y, phường H, TPTN.

Ngày 20/02/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Nguyên có Tờ trình số 159/TTr-TNMT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 21/02/2020, phòng Tài nguyên và Môi trường TPTN có Tờ trình số 164/TTr-TNMT về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn T.

Ngày 25/02/2020, UBND TPTN có Quyết định số 1442/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 796245, do UBND huyện H1 cấp ngày 30/12/2009 mang tên ông Nguyễn Văn T.

Sau đó, UBND TPTN đã cấp Giấy CNQSD đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 mang tên ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 100, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm c, mục 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 70 nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020, thì địa chỉ ông Nguyễn Văn T cư trú thuộc địa giới hành chính của TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

[2.2]. Về nội dung.

Người gốc thửa đất số 431, tờ bản đồ số 18, diện tích 1019,2 m² do ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng của ông Công Minh L năm 1994.

Tháng 8/1994 ông T có đơn xin hợp thức đất ở và nhà ở đã được UBND thị trấn H và Ban quản lý ruộng đất xét duyệt 702 m² (trong đó đất xây dựng 250 m², đất vườn 452 m²).

Ngày UBND huyện H1 ra Quyết định số 237/QĐ-UBND về việc hợp thức đất của ông Nguyễn Văn T. Diện tích đất sử dụng là 702 m² (trong đó đất thổ cư là 120 m²).

Ngày 30/12/2005 UBND huyện H1 cấp GCNQSD đất số AD 796245 cho ông Nguyễn Văn T tại thửa 431 tờ bản đồ số 18, diện tích 1019,2 m² (trong đó có 120 m² ODT và 899,2 m² CLN). Tuy nhiên trên GCNQSD đất và đơn xin cấp GCNQSD đất của ông Nguyễn Văn T có dấu hiệu bị tẩy xóa phần diện tích đất ở và đất vườn.

Do ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị việc cấp GCNQSD đất trên không đúng Luật Đất đai. Căn cứ các quy định của Luật Đất đai 2013 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013, UBND TPTN đã thực hiện thu hồi GCNQSD đất số AD 796245 cho ông Nguyễn Văn T tại thửa 431 tờ bản đồ số 18, diện tích 1019,2 m² (trong đó có 120 m² ODT và 899,2 m² CLN).

Ngày 25/2/2020, UBND TPTN đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 406936 cho ông Nguyễn Văn T thửa 431 tờ bản đồ số 18, diện tích 1019,2 m² (trong đó đất ở tại đô thị 250 m², đất trồng cây lâu năm 769,2 m²).

Tuy nhiên, Ông Nguyễn Văn T vẫn không đồng ý đối với việc xác định diện tích đất ở trong GCNQSD đất đã cấp lại là 250 m² và yêu cầu UBND TPTN phải cấp cho ông 300 m² đất ở.

Xét thấy: Căn cứ khoản 3 và 4, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "3. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình T từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

4. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình T từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tập quán tại địa phương quy định hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình phù hợp với tập quán ở địa phương theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình;

b) Trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức công nhận đất ở tại địa phương;

c) Trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất."

Xét thấy, trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Công Minh L và ông Nguyễn Văn T lập ngày 01/6/1994 thì diện tích xây dựng là 250 m², diện tích đất này được hiểu là đất chủ yếu để làm nhà ở và các công trình phục vụ cho đời sống gia đình (đất ở). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Công Minh L và ông Nguyễn Văn T lập ngày 01/6/1994 là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, trong hợp đồng ghi rõ diện tích đất xây dựng là 250 m², nên UBND TPTN cấp diện tích ở cho ông Nguyễn Văn T trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 406936 ngày 25/2/2020 là 250 m² là có căn cứ pháp luật, phù hợp với khoản 3 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013.

Hơn nữa, theo Điều 6 Quyết định số 1883/2005/QĐ-UBND ngày 16/9/2005 của UBND tỉnh TN về hạn mức đất ở khi giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất thì quy định như sau:

"1. Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao trong cùng một thửa đất sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành (ngày 1/7/2004) mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại các Khoản 1,2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện

tích đất ở, thì hạn mức công nhận đất ở được xác định tính theo số lượng nhân khẩu cho từng hộ gia đình.

2. Số nhân khẩu trong một hộ chỉ tính những người có quan hệ là vợ chồng, con (kể cả con dâu, con rể, con nuôi hợp pháp) bố, mẹ (kể cả bố mẹ nuôi, bố mẹ kế hợp pháp) cháu nội, cháu ngoại và phải cùng một sổ hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp có từ 1-4 khẩu được quy định là:

- a) Đối với các phường thuộc TPTN là: $200m^2$;
- b) Đối với các phường thuộc thị xã Sông Công và các thị trấn là: $240m^2$;
- c) Đối với các hộ làm nông nghiệp trong đô thị là : $250m^2$;
- d) Đối với các hộ ở các xã trung du là : $300m^2$;
- e) Đối với các hộ ở các xã miền núi, vùng cao là : $400m^2$."

Theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh TN về hạn mức đất ở khi giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất thì quy định như sau:

"1. Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao trong cùng một thửa đất được hình T từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở, thì được công nhận như sau:

- a) Hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình có từ 01- 04 khẩu:
 - Đối với các phường thuộc thành phố: $200 m^2$;
 - Đối với các phường thuộc thị xã và thị trấn: $240 m^2$;
 - Đối với các hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc các phường và thị trấn: $250 m^2$.
 - Đối với các xã trung du: $300 m^2$.
 - Đối với xã miền núi, xã vùng cao: $400 m^2$."

Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 do UBND TPTN cấp mang tên ông Nguyễn Văn T. Yêu cầu UBND TPTN cấp mới GCNQSD đất với diện tích $1019,2 m^2$, trong đó đất ở đô thị là $300 m^2$ đất trồng cây lâu năm $719,2 m^2$ là không có cơ sở chấp nhận, cần bác yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 - Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 100, khoản 3 và 4, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; điểm c, mục 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/CD-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 70 nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Quyết định số 1883/2014/QĐ-UBND ngày

16/9/2005, Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu: hủy Giấy CNQSD đất số CS 406936 cấp ngày 25/02/2020 do UBND TPTN cấp mang tên ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thường trú: phường H, TPTN, Thái Nguyên.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0008990 ngày 29/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người khởi kiện, vắng mặt người bị kiện. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao- Hà Nội.
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bảng Công Hiệp

